

CHUẨN ĐỐI SÁNH TRONG ĐÁNH GIÁ THỰC HIỆN QUY HOẠCH HỆ THỐNG CƠ SỞ HẠ TẦNG NÔNG THÔN MỚI HUYỆN YÊN THÀNH, TỈNH NGHỆ AN

Quyên Thị Lan Phương¹

TÓM TẮT

Mục đích của nghiên cứu này nhằm xác định chuẩn đối sánh (Benchmarking) trong đánh giá thực hiện quy hoạch hệ thống cơ sở hạ tầng nông thôn mới (NTM) huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An thông qua 3 xã đại diện. Phương pháp sử dụng trong nghiên cứu gồm: thu thập và xử lý số liệu; xây dựng khung đối sánh. Kết quả nghiên cứu cho thấy, xây dựng NTM huyện Yên Thành đến năm 2018 đã đạt được những thành tựu đáng kể, số xã đạt chuẩn NTM tăng lên nhanh chóng. Các chỉ tiêu đánh giá được xây dựng cho 3 nhóm chính: hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội và nhà ở dân cư, ngoài ra còn có chỉ tiêu sự hài lòng của người dân. Dựa trên bộ chỉ tiêu đó, đã tiến hành cho điểm từng chỉ tiêu theo điểm chuẩn (Benchmark), tổng hợp điểm từng xã và đối sánh, phân tích, đánh giá, từ đó tìm ra xã thực hiện thành công nhất là Thiên Thành, theo sát là Mã Thành và đứng cuối là Làng Thanh. Các giải pháp cần thực hiện trong thời gian tới liên quan đến tổ chức quản lý, ưu tiên đầu tư và hoàn thiện các công trình còn thiếu và yếu; thực hiện đối sánh định kỳ. Kết quả của nghiên cứu này có thể được mở rộng áp dụng, góp phần hoàn thiện và phát triển chương trình xây dựng NTM trên địa bàn nghiên cứu và rộng hơn ở các địa bàn khác.

Từ khóa: Cơ sở hạ tầng, chuẩn đối sánh, huyện Yên Thành, nông thôn mới, thực hiện quy hoạch.

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Chuẩn đối sánh – Benchmarking là một phương pháp nghiên cứu tuy không còn mới đối với thế giới, nhưng chưa được áp dụng phổ biến ở Việt Nam, ngoại trừ một số nghiên cứu của Ngân hàng Thế giới đối với ngành công nghiệp đô thị ở Việt Nam. Theo Jackson và Lund (2000): *“Đối sánh là trước hết và trên hết, một quá trình học hỏi được kiến tạo để tạo điều kiện cho những người tham gia qua trình này có thể so sánh những hoạt động, hay dịch vụ, sản phẩm của họ với người khác hay tổ chức khác, nhằm tìm hiểu chỗ mạnh yếu, trong tương quan so sánh với nhau, để tự cải thiện hoặc điều chỉnh hoạt động của mình”*. Cách tiếp cận đối sánh dựa vào tiêu chí tham chiếu đã được Mackinnon và đồng tác giả (2000) đề cập bằng việc xác định đặc điểm thế nào là tốt nhất trong một lĩnh vực cụ thể, nhờ đó tạo điều kiện cho tổ chức so sánh hoạt động của mình trong lĩnh vực đó thông qua so sánh trực tiếp với các tiêu chí. Trong những nghiên cứu về phát triển đô thị và giao thông, chuẩn đối sánh có những mục tiêu chính là: đánh giá sự biểu đạt của các hoạt động, các chính sách trong phát triển; cho phép những xu hướng biểu đạt được nhận diện qua phân tích các mốc thời gian thực hiện;

so sánh để nhận diện các khu vực/đơn vị thực hiện tốt nhất, làm bài học kinh nghiệm cho các khu vực/đơn vị khác (Cowper và Samuel, 1997; Geerling và đồng tác giả, 2006). Theo đó, để đối sánh và đánh giá thực hiện chính sách hiệu quả, cần xây dựng bộ chỉ tiêu đánh giá chuẩn theo khu vực và đối tượng.

Trong Chương trình Mục tiêu Quốc gia (MTQG) xây dựng NTM, công tác quy hoạch nói chung và quy hoạch hệ thống cơ sở hạ tầng kinh tế - xã hội nói riêng đóng vai trò rất quan trọng. Quy hoạch và thực hiện quy hoạch tốt thì các huyện thị mới có thể đẩy mạnh được phát triển kinh tế - xã hội, đáp ứng nhu cầu sử dụng của người dân và góp phần thúc đẩy sản xuất khu vực nông thôn (Đam Quang Tuấn, 2016). Trong đánh giá thực hiện quy hoạch NTM hiện nay, nhiều nghiên cứu chủ yếu tập trung vào đánh giá tiến độ quy hoạch mà chưa quan tâm sâu đến chất lượng quy hoạch. Để đánh giá toàn diện chất lượng quy hoạch, nhận diện những khu vực và những chỉ tiêu được thực hiện nổi bật, trở thành những “bài học thành công” trong xây dựng NTM, thì việc đối sánh tình hình thực hiện quy hoạch ở các khu vực khác nhau là việc rất cần thiết.

Từ những lý luận và thực tiễn trên, áp dụng chuẩn đối sánh cho việc phân tích và đánh giá kết quả thực hiện xây dựng NTM nói chung và thực hiện

¹ Khoa Quản lý đất đai, Học viện Nông nghiệp Việt Nam

quy hoạch hệ thống cơ sở hạ tầng NTM là rất phù hợp, góp phần hoàn thiện và phát triển chương trình xây dựng NTM trên địa bàn nghiên cứu và ở các địa bàn rộng hơn.

Huyện Yên Thành là khu vực nửa trung du miền núi, nửa đồng bằng thuộc tỉnh Nghệ An, bao gồm 39 đơn vị hành chính. Kinh tế chủ đạo của huyện là nông nghiệp, chủ yếu là trồng lúa và chăn nuôi tư túc, các ngành nghề dịch vụ còn hạn chế. Từ năm 2010, huyện Yên Thành đã triển khai chương trình xây dựng NTM nhằm xây dựng nông thôn theo hướng văn minh, giàu đẹp, kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội tương đối đồng bộ. Tất cả các xã trong huyện đã hoàn thành sớm công tác quy hoạch và sau 8 năm triển khai thực hiện, các tiêu chí về hạ tầng kinh tế - xã hội và môi trường đã đáp ứng được phần lớn nhu cầu của người dân các xã trong sản xuất và sinh hoạt. Tuy nhiên, quá trình triển khai quy hoạch hệ thống cơ sở hạ tầng NTM trên địa bàn huyện còn gặp một số vướng mắc như: một số xã còn thiếu hoặc chưa hoàn thiện công trình hạ tầng quan trọng, chất lượng một số công trình chưa đảm bảo, khó khăn trong huy động nguồn vốn xây dựng...

Nghiên cứu này tập trung vào chuẩn đối sánh trong đánh giá tình hình thực hiện quy hoạch hệ thống cơ sở hạ tầng NTM huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An đến năm 2018 thông qua 3 xã khảo sát đại diện, nhằm tìm ra những xã đạt chuẩn "thực hiện tốt nhất" (best practice), từ đó rút ra những kinh nghiệm, những tồn tại bất cập cùng những chỉ tiêu cụ thể, góp phần vào việc cải thiện chất lượng quy hoạch, đáp ứng nhu cầu sử dụng của người dân.

2. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

2.1. Phương pháp thu thập và xử lý số liệu

Số liệu thứ cấp được điều tra, thu thập từ UBND huyện Yên Thành và UBND 3 xã đại diện, thông qua các thuyết minh quy hoạch NTM, các báo cáo tổng kết thường kỳ về kết quả xây dựng NTM, tập trung vào thực hiện quy hoạch xây dựng hệ thống cơ sở hạ tầng. Toàn bộ số liệu hiện trạng được thu thập đến 31/12/2018.

Số liệu sơ cấp được thu thập bằng các hình thức sau:

- Khảo sát hiện trạng các hạng mục công trình hạ tầng tại 3 xã điểm để kiểm tra thực tế tình trạng, chất lượng công trình và khả năng đáp ứng nhu cầu sử dụng của người dân.

Phòng văn người dân thông qua mẫu phiếu được thiết kế sẵn để xem xét sự đánh giá, sự hài lòng về cơ sở hạ tầng NTM. Trong khuôn khổ nghiên cứu, mỗi xã điều tra 30 phiếu (tổng số phiếu là 90). Đối tượng phỏng vấn phân lớn là hộ nông nghiệp với lứa tuổi, giới tính, trình độ khác nhau.

Trên cơ sở các số liệu đã thu thập được về quy hoạch và tình hình thực hiện quy hoạch cơ sở hạ tầng NTM, tiến hành xử lý bằng Excel và tổng hợp dưới dạng bảng biểu để đối chiếu, so sánh giữa các xã điểm nghiên cứu trong huyện.

2.2. Phương pháp xây dựng khung đối sánh



Hình 1. Khung đối sánh

Xây dựng khung đối sánh (Hình 1) bao gồm các nội dung sau:

1) Chọn điểm đại diện đối sánh

3 xã thuộc huyện Yên Thành được chọn để đối sánh và đánh giá tình hình thực hiện quy hoạch cơ sở hạ tầng NTM bao gồm xã Tiên Thành, xã Mã Thành và xã Lăng Thành. Tiêu chí lựa chọn là đã về đích NTM, phát triển khá đồng đều và khả năng điều tra thu thập cơ sở dữ liệu một cách thuận tiện, đầy đủ và chính xác nhất. Số lượng 3 xã tuy chưa toàn diện, nhưng vẫn đảm bảo tính đại diện trong khuôn khổ của nghiên cứu (pilot study) và số lượng xã đối sánh có thể nhân rộng sau này.

2) Xây dựng bộ chỉ tiêu đánh giá

Bộ chỉ tiêu đánh giá tình hình thực hiện quy hoạch hệ thống cơ sở hạ tầng NTM huyện Yên Thành thực hiện cho 3 hạng mục: hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội và nhà ở dân cư, được xác định dựa trên các cơ sở sau:

Nguyên lý SMART (NAM, Ltd): Specific – Chính xác; Mesurable – Có thể đo, đếm được bằng dữ liệu; Available – Có tính khả thi; Relevant – Thích đáng; Timely – Đảm bảo tính cập nhật.

- Bộ tiêu chí quốc gia xây dựng NTM và Hướng dẫn thực hiện bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn

mới giai đoạn 2016-2020 (Bộ NN&PTNT, 2009, 2017): tập trung vào nhóm tiêu chí số 2 – Hạ tầng kinh tế xã hội (tiêu chí số 2 – 9) và tiêu chí số 17 – Môi trường.

- Các chỉ tiêu đặc thù của quy hoạch xây dựng: vị trí, mặt đất xây dựng; tầng cao trung bình.

- Điều kiện cụ thể của các xã điểm nghiên cứu: tình hình thực hiện quy hoạch, hiện trạng, mức độ đáp ứng nhu cầu sử dụng của cơ sở hạ tầng NTM tại 3 xã điểm đến năm 2018.

Các chỉ tiêu đánh giá được xác định dựa trên nhu cầu, đáp ứng nhu cầu sử dụng của người dân cho sinh hoạt và sản xuất. Cơ sở dữ liệu để đo, đếm các chỉ tiêu bao gồm: báo cáo kết quả thực hiện xây dựng NTM cấp xã đến năm 2018 (UBND xã Tiến Thành, Mã Thành, Lăng Thành, 2018); hiện trạng xây dựng và sử dụng của các công trình hạ tầng (kết quả khảo sát hiện trạng, 2019); một số từ kết quả phỏng vấn hộ dân (2019).

3) Chăm điểm

Căn cứ vào vai trò của các nhóm chỉ tiêu và các chỉ tiêu đã được xác định, tiến hành phân bổ tỷ lệ điểm để đánh giá các hạng mục cơ sở hạ tầng. Trong khuôn khổ của nghiên cứu, ở mỗi hạng mục hạ tầng chọn một số chỉ tiêu mang tính đại diện lớn nhất cho hạng mục đó, chủ yếu là chỉ tiêu định lượng, sau đó cho điểm từng chỉ tiêu, tổng hợp từng hạng mục công trình và tổng hợp chung toàn xã. Lấy thang điểm tối đa (điểm chuẩn – Benchmark) là 100 cho toàn xã, từ đó xác định điểm tối đa cho mỗi hạng mục công trình và các chỉ tiêu đơn lẻ, điểm tối thiểu là 0 điểm.

4) Đối sánh, phân tích, đánh giá

Tiến hành đối sánh theo điểm chuẩn (Benchmark) giữa 3 xã thông qua kết quả chăm điểm đơn lẻ các chỉ tiêu và tổng hợp toàn xã, tìm ra xã thực hiện hiệu quả nhất, đem lại nhiều lợi ích nhất cho người dân (best practice), phân tích nguyên nhân thành công, hạn chế. Theo đó, các điểm mạnh, điểm yếu trong thực hiện quy hoạch cơ sở hạ tầng NTM của từng xã cũng được xác định, phân tích, đánh giá, làm cơ sở để đưa ra các giải pháp cải thiện quy hoạch hiệu quả.

3. KẾT QUẢ VÀ THẢO LUẬN

3.1. Tình hình xây dựng nông thôn mới huyện Yên Thành

Thực hiện Chương trình MTQG xây dựng NTM, mặc dù gặp nhiều khó khăn về nguồn vốn, cơ chế chính sách nhưng phong trào xây dựng nông thôn mới trên địa bàn huyện Yên Thành đã đạt được nhiều kết quả, cụ thể trong các công tác tuyên truyền, chỉ đạo, quản lý và thực hiện 19 tiêu chí NTM trên địa bàn huyện. Theo báo cáo kết quả thực hiện Chương trình MTQG về xây dựng NTM huyện Yên Thành, tính đến 31/12/2018, toàn huyện đã có 701 tiêu chí đạt chuẩn, tăng 152 tiêu chí so với năm 2015, bình quân đạt 18,4 tiêu chí/xã, trong đó có 34 xã đạt 19/19 tiêu chí, tăng so với năm 2015 là 21 xã (UBND huyện Yên Thành, 2019). Cụ thể là:

Số xã đã đạt chuẩn 19/19 tiêu chí: 34/38 xã (89,5%);

Số xã đạt từ 15-18 tiêu chí: 01 xã (2,6%);

Số xã đạt từ 10-14 tiêu chí: 03 xã (7,9%);

Số xã đạt từ 5-9 tiêu chí: 0 xã;

Số xã đạt từ 0-5 tiêu chí: 0 xã.

Về công tác lập và phê duyệt quy hoạch, đến năm 2018 đã có 38/38 xã đạt tiêu chí quy hoạch, đạt 100%. Về thực hiện các tiêu chí liên quan đến cơ sở hạ tầng NTM, toàn huyện đã có 34/38 xã đạt tiêu chí số 2 – Giao thông (89,5%); 36/38 xã đạt tiêu chí số 3 – Thủy lợi (94,7%); 38/38 xã đạt tiêu chí số 4 – Điện, (100%); 37/38 xã đạt tiêu chí số 5 – Trường học (97,4 %); 38/38 xã đạt tiêu chí số 6 – Cơ sở vật chất văn hóa (100%); 36/38 xã đạt tiêu chí số 7 – Chợ nông thôn, (94,7%); 38/38 xã đạt tiêu chí số 8 – Bưu điện, đạt 100%; 38/38 xã đạt tiêu chí số 9 – Nhà ở, (100%); 35/38 xã đạt tiêu chí số 17 – Môi trường, (92,1%) (UBND huyện Yên Thành, 2019). Nhìn chung, cơ sở hạ tầng huyện Yên Thành sau gần 10 năm xây dựng NTM đã có sự thay đổi rõ rệt, đem lại diện mạo mới cho địa phương.

Cho đến nay, 03 xã khảo sát đều được công nhận đạt chuẩn NTM, tuy nhiên, để đánh giá một cách chính xác công tác thực hiện quy hoạch NTM, sự bền vững của các tiêu chí NTM cần phải định lượng bằng các chỉ tiêu cụ thể và khách quan, kiểm tra thường xuyên chất lượng quy hoạch và hiệu quả sử dụng của các công trình này.

3.2. Xây dựng bộ chỉ tiêu đối sánh thực hiện quy hoạch hệ thống cơ sở hạ tầng

Dựa trên cơ sở khoa học và thực tiễn, các chỉ tiêu đánh giá quy hoạch hệ thống cơ sở hạ tầng NTM huyện Yên Thành được xác định ở bảng 1, 2, 3, với 3

nhóm chính: hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội và nhà ở dân cư, ngoài ra còn có chỉ tiêu sự hài lòng của người dân (Bảng 4). Kết quả thực hiện quy hoạch của 3 xã điểm cùng nguồn số liệu cũng được thể hiện ở 3 bảng.

Bảng 1. Các chỉ tiêu quy hoạch cơ sở hạ tầng kỹ thuật

TT	Hạng mục	Chỉ tiêu đánh giá	Quy hoạch	Tiến Thành	Mã Thanh	Lãng Thành	Nguồn
1	Giao thông	Tỷ lệ đường xã và đường từ trung tâm xã đến huyện được cứng hoá, đảm bảo ô tô đi lại thuận tiện	100%	100%	100%	100%	Báo cáo kết quả xây dựng NTM cấp xã đến 2018
		Tỷ lệ đường trục xóm và đường bên xóm được cứng hoá, đảm bảo ô tô, mô tô đi lại thuận tiện	≥ 70%	90%	78,4%	76%	Báo cáo kết quả xây dựng NTM cấp xã đến 2018
		Tỷ lệ đường ngõ, xóm không lấy lợi vào mùa mưa	100%	100%	100%	100%	Báo cáo kết quả xây dựng NTM cấp xã đến 2018
		Tỷ lệ đường trục chính nội đồng đảm bảo vận chuyển hàng hoá thuận tiện quanh năm	≥ 70%	90%	85%	73,4%	Báo cáo kết quả xây dựng NTM cấp xã đến 2018
		Mạng lưới đường đáp ứng nhu cầu sử dụng của người dân	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Phỏng vấn hộ dân
2	Thủy lợi	Tỷ lệ diện tích đất sản xuất nông nghiệp được tưới và tiêu nước chủ động	≥ 80%	83,9%	93,8%	92,1%	Báo cáo kết quả xây dựng NTM cấp xã đến 2018
		Đảm bảo đủ điều kiện đáp ứng yêu cầu dân sinh và theo quy định về phòng chống thiên tai tại chỗ	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Báo cáo kết quả xây dựng NTM cấp xã đến 2018
		Bê tông hoá kênh tưới, tiêu hiện có	≥ 80%	90%	87%	70%	Báo cáo kết quả xây dựng NTM cấp xã đến 2018
		Mạng lưới công trình thủy lợi đáp ứng nhu cầu sử dụng của người dân	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Phỏng vấn hộ dân
3	Điện	Cải tạo, nâng cấp các trạm biến áp, hệ thống đường dây hạ thế hiện có	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Báo cáo kết quả xây dựng NTM cấp xã đến 2018
		Tỷ lệ hộ sử dụng điện thường xuyên, an toàn từ các nguồn	≥ 98%	100%	100%	90%	Báo cáo kết quả xây dựng NTM cấp xã đến 2018
		Số giờ cấp điện trong ngày	≥ 12 giờ/ngày	24 giờ /ngày	24 giờ /ngày	24 giờ /ngày	Báo cáo kết quả xây dựng NTM cấp xã đến 2018
4	Cấp nước	Tỷ lệ hộ sử dụng nước hợp vệ sinh theo quy định	≥ 95%	100%	100%	96,7%	Báo cáo kết quả xây dựng NTM cấp xã đến 2018

KHOA HỌC CÔNG NGHỆ

		Tỷ lệ hộ sử dụng nước sạch theo quy định	≥ 60%	77% (máy lọc nước)	67% (máy lọc nước)	61% (máy lọc nước)	Báo cáo kết quả xây dựng NTM cấp xã đến 2018
		Số xóm đạt tiêu chuẩn chung về tỷ lệ nước hợp vệ sinh/nước sạch	100%	100%	100%	100%	Báo cáo kết quả xây dựng NTM cấp xã đến 2018
		Nhu cầu cấp nước sinh hoạt	80 lit/người/ngày đêm	80 lit/người/ngày đêm	80 lit/người/ngày đêm	80 lit/người/ngày đêm	Báo cáo kết quả xây dựng NTM cấp xã đến 2018
5	Thoát nước và vệ sinh môi trường	Hệ thống thoát nước thải được cứng hoá, có nắp đậy	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Báo cáo kết quả xây dựng NTM cấp xã đến 2018
		Tỷ lệ chất thải rắn và nước thải khu dân cư, cơ sở SXKD được thu gom, xử lý theo quy định	≥ 85%	90%	95%	85%	Báo cáo kết quả xây dựng NTM cấp xã đến 2018
		Tỷ lệ cơ sở SXKD đảm bảo quy định về bảo vệ môi trường	100%	100%	100%	100%	Báo cáo kết quả xây dựng NTM cấp xã đến 2018
		Xây dựng cảnh quan, môi trường sáng, xanh, sạch, đẹp	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Kết quả khảo sát hiện trạng, 2019; phỏng vấn hộ dân
		Có bãi rác thải tập trung	Đạt	Đạt (2 bãi)	Đạt (1 bãi)	Đạt (1 bãi)	Kết quả khảo sát hiện trạng, 2019
		Tỷ lệ hộ có nhà vệ sinh, nhà tắm, bể chứa nước sinh hoạt hợp vệ sinh và đảm bảo 3 sạch	≥ 85%	86,7%	90%	80%	Phỏng vấn hộ dân
		Tỷ lệ hộ chăn nuôi có chuồng trại đảm bảo vệ sinh môi trường	≥ 70%	90%	94,9%	77%	Báo cáo kết quả xây dựng NTM cấp xã đến 2018
		Mai táng phù hợp với quy định và theo quy hoạch	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Kết quả khảo sát hiện trạng, 2019
6	Thông tin liên lạc	Có điểm phục vụ bưu chính	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Báo cáo kết quả xây dựng NTM cấp xã đến 2018
		Có dịch vụ viễn thông, internet	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Báo cáo kết quả xây dựng NTM cấp xã đến 2018; phỏng vấn hộ dân
		Có đài truyền thanh và hệ thống loa đến các xóm	100%	100%	100%	100%	Báo cáo kết quả xây dựng NTM cấp xã đến 2018
		Có ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý, điều hành	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Báo cáo kết quả xây dựng NTM cấp xã đến 2018
		Trang thiết bị phù hợp với yêu cầu cung ứng và sử dụng dịch vụ TTTL	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Báo cáo kết quả xây dựng NTM cấp xã đến 2018

Bảng 2. Các chỉ tiêu quy hoạch cơ sở hạ tầng xã hội

TT	Hạng mục	Chỉ tiêu đánh giá	Quy hoạch	Tiến Thành	Mã Thành	Làng Thành	Nguồn
1	Trường học	Tỷ lệ trường học các cấp có cơ sở vật chất và thiết bị dạy học đạt chuẩn Quốc gia	≥ 80%	90%	90%	66,7% (Mầm non chưa đạt)	Báo cáo kết quả xây dựng NTM cấp xã đến 2018
		Vị trí, diện tích, quy mô các trường theo đúng quy hoạch	Đạt	Đạt	Đạt	Chưa đạt	Kết quả khảo sát hiện trạng, 2019
		Mật độ xây dựng trung bình	30%	30%	30%	25%	Kết quả khảo sát hiện trạng, 2019
		Tầng cao trung bình	Tối đa 2,2 tầng	1,5 tầng	1,5 tầng	1,2 tầng	Kết quả khảo sát hiện trạng, 2019
		Vị trí, khoảng cách của các trường đối với việc đi lại hợp lý	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Phòng văn hó dân
2	Nhà văn hoá	Xã có nhà văn hoá hoặc hội trường đa năng phục vụ sinh hoạt văn hoá	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Báo cáo kết quả xây dựng NTM cấp xã đến 2018
		Xã có sân thể thao đủ phục vụ các hoạt động thể dục thể thao	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Báo cáo kết quả xây dựng NTM cấp xã đến 2018
		Xã có điểm vui chơi, giải trí và thể thao cho trẻ em và người cao tuổi theo quy định	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Kết quả khảo sát hiện trạng, 2019
		Tỷ lệ xóm có nhà văn hoá hoặc nơi sinh hoạt văn hoá, thể thao phục vụ công đồng	100%	100% (9/9 xóm)	92% (11/12 xóm)	100% (13/13 xóm)	Kết quả khảo sát hiện trạng, 2019
3	Chợ	Có chợ hoặc nơi mua bán, trao đổi hàng hoá đáp ứng nhu cầu người dân	Đạt	Đạt (các ốt quán)	Đạt	Đạt	Báo cáo kết quả xây dựng NTM cấp xã đến 2018; khảo sát hiện trạng, 2019
		Vị trí và diện tích chợ đúng quy hoạch	Đạt	Chưa có chợ	Đang cải tạo	Cần xây mới	Kết quả khảo sát hiện trạng, 2019
4	Y tế	Vị trí và diện tích trạm y tế đúng quy hoạch	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Kết quả khảo sát hiện trạng, 2019
		Cơ sở vật chất và thiết bị y tế đạt chuẩn	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Báo cáo kết quả xây dựng NTM cấp xã đến 2018

Bảng 3. Đối sánh các chỉ tiêu quy hoạch nhà ở dân cư

TT	Chỉ tiêu đánh giá	Quy hoạch	Tiến Thành	Mã Thành	Làng Thành	Nguồn
1	Nhà tạm, dôi nát	0 hộ	0 hộ	0 hộ	0 hộ	Báo cáo kết quả xây dựng NTM cấp xã đến 2018
2	Tỷ lệ hộ có nhà ở đạt tiêu chuẩn theo quy định (3 cứng)	≥ 80%	96,7%	93,3%	90%	Phòng văn hó dân

3	Tỷ lệ hộ có nhà vệ sinh, nhà tắm, bể chứa nước sinh hoạt hợp vệ sinh đảm bảo "3 sạch"	≥ 85%	86,7%	90%	80%	Phong văn hồ dân
4	Tỷ lệ hộ có tương rạo, nhà kho	≥ 85%	86,7%	86,7%	83,3%	Phong văn hồ dân
5	Tỷ lệ hộ có khuôn viên, sân chơi	≥ 85%	100%	90%	90%	Phong văn hồ dân
6	Khu dân cư mới theo quy hoạch	1 khu	1 khu	1 khu	1 khu	Kết quả khảo sát hiện trạng, 2019
7	Mật độ xây dựng lớn nhất các khu dân kinh doanh thương mại dịch vụ (đọc đường chính và trung tâm xã)	70%	65%	70%	70%	Kết quả khảo sát hiện trạng, 2019
8	Tăng cao trung bình các khu dân kinh doanh thương mại dịch vụ (đọc đường chính và trung tâm xã)	Tối đa 2,2 tầng	2,0 tầng	1,5 tầng	1,5 tầng	Kết quả khảo sát hiện trạng, 2019

Bảng 4. Mức độ hài lòng của người dân đối với hệ thống cơ sở hạ tầng NTM. ĐVT: %

TT	Mức độ hài lòng	Tiến Thành	Mã Thành	Lãng Thành	03 xã
1	Trung bình	13,3	20	20	17,8
2	Hài lòng	86,7	80	80	82,2
3	Tổng	100	100	100	100

(Nguồn: Phong văn hồ dân, 2019)

Qua bảng 1, 2, 3 có thể thấy, quy hoạch hệ thống cơ sở hạ tầng ở 3 xã được thực hiện tương đối tốt, nhiều chỉ tiêu đạt mục tiêu quy hoạch, nhiều hạng mục công trình hoàn thành tốt như điện, thông tin liên lạc, y tế. Trong đó, Tiến Thành đạt yêu cầu ở phần lớn các chỉ tiêu, tuy nhiên xã vẫn chưa có chợ chuẩn NTM. Mã Thành cũng có phần lớn các chỉ tiêu đạt chuẩn, cao nhất trong 03 xã về môi trường, tuy nhiên vẫn còn thiếu nhà văn hoá xóm và chưa hoàn thiện chợ cải tạo. Lãng Thành tuy đã đạt nhiều chỉ tiêu, nhưng vẫn còn một số bất cập trong thực hiện quy hoạch giao thông, thủy lợi, trường học và chợ.

Bảng 5. Kết quả đối sánh thực hiện quy hoạch hệ thống cơ sở hạ tầng huyện Yên Thành

TT	Hạng mục	Chỉ tiêu đánh giá	Điểm tối đa mỗi hạng mục	Điểm tối đa mỗi chỉ tiêu	Tiến Thành	Mã Thành	Lãng Thành
1	Giao thông	1. Tỷ lệ đường xã và đường từ trung tâm xã đến huyện được cứng hoá, đảm bảo ô tô đi lại thuận tiện	10	2,5	2,5	2,5	2,5
		2. Tỷ lệ đường trục xóm và đường liên xóm được cứng hoá, đảm bảo ô tô, mô tô đi lại thuận tiện		2,5	2,2	2	1,9
		3. Tỷ lệ đường ngõ, xóm không lầy lội vào mùa mưa		2,5	2,5	2,5	2,5

Ngoài ra, một chỉ tiêu quan trọng nữa là sự hài lòng của người dân đối với hệ thống cơ sở hạ tầng NTM, được khảo sát theo thang đo Likert với 5 mức: 1) rất không hài lòng, 2) không hài lòng, 3) trung bình, 4) hài lòng và 5) rất hài lòng. Theo kết quả ở bảng 5, tỷ lệ hài lòng của người dân nói chung khá cao và người dân Tiến Thành bày tỏ sự hài lòng cao hơn so với 02 xã còn lại.

3.3. Kết quả đối sánh trong đánh giá thực hiện quy hoạch hệ thống cơ sở hạ tầng

Để đối sánh và xếp hạng 3 xã, cần quy các chỉ tiêu đánh giá về thang điểm chuẩn và chấm điểm từng xã. Từ bộ chỉ tiêu đánh giá đã xây dựng, mỗi hạng mục cơ sở hạ tầng chọn các chỉ tiêu đại diện có thể định lượng được để cho điểm. Theo đó, xác định điểm tối đa cho mỗi chỉ tiêu, điểm tối thiểu là 0 điểm, điểm lẻ tính đến 0,1. Điểm tối đa đối với các công trình đạt 100% yêu cầu của quy hoạch. Tổng số điểm tối đa là 100 điểm. Điểm đánh giá tổng hợp kết quả thực hiện quy hoạch của mỗi xã là tổng điểm của 27 chỉ tiêu thuộc 12 nhóm hạng mục công trình.

		4. Tỷ lệ dương trục chính nội đồng đảm bảo vận chuyển hàng hoá thuận tiện quanh năm		2,5	2,2	2,1	1,8
2	Thủy lợi	5. Tỷ lệ diện tích đất sản xuất nông nghiệp được tưới và tiêu nước chủ động	8	4	3,4	3,8	3,7
		6. Bề tổng hoá kênh tưới, tiêu hiện có		4	3,6	3,5	2,8
3	Điện	7. Tỷ lệ hộ sử dụng điện thương xuyên, an toàn từ các nguồn	8	4	4	4	3,6
		8. Số giờ cấp điện trong ngày		4	4	4	4
4	Cấp nước	9. Tỷ lệ hộ sử dụng nước hợp vệ sinh theo quy định	8	4	4	4	3,9
		10. Tỷ lệ hộ sử dụng nước sạch theo quy định		4	3,1	2,7	2,4
5	Thoát nước và vệ sinh môi trường	11. Tỷ lệ chất thải rắn và nước thải khu dân cư, cơ sở SXKD được thu gom, xử lý theo quy định	9	3	2,7	2,9	2,6
		12. Tỷ lệ cơ sở SXKD đảm bảo quy định về bảo vệ môi trường		3	3	3	3
		13. Tỷ lệ hộ chăn nuôi có chuồng trại đảm bảo vệ sinh môi trường		3	2,7	2,8	2,3
6	Thông tin liên lạc	14. Có dịch vụ viễn thông, internet	8	4	4	4	4
		15. Có đài truyền thanh và hệ thống loa đến các xóm		4	4	4	4
7	Trường học	16. Tỷ lệ trường học các cấp có cơ sở vật chất và thiết bị dạy học đạt chuẩn quốc gia	8	4	3,6	3,6	2,7
		17. Vị trí, khoảng cách của các trường đối với việc đi lại hợp lý		4	4	4	4
8	Văn hoá	18. Xá có nhà văn hoá hoặc hội trường đa năng phục vụ sinh hoạt văn hoá	8	4	4	4	4
		19. Tỷ lệ xóm có nhà văn hoá hoặc nơi sinh hoạt văn hoá, thể thao phục vụ công đồng		4	4	3,7	4
9	Chợ	20. Có chợ hoặc nơi mua bán, trao đổi hàng hoá đáp ứng nhu cầu người dân	5	5	4	4	3
10	Y tế	21. Cơ sở vật chất và thiết bị y tế đạt chuẩn	5	5	5	5	5
11	Nhà ở dân cư	22. Tỷ lệ hộ có nhà ở đạt tiêu chuẩn theo quy định (3 cứng)	15	3	2,9	2,8	2,7
		23. Tỷ lệ hộ có nhà vệ sinh, nhà tắm, bể chứa nước sinh hoạt hợp vệ sinh đảm bảo "3 sạch"		3	2,6	2,7	2,4
		24. Tỷ lệ hộ có tường rào, nhà kho		3	2,6	2,6	2,5
		25. Tỷ lệ hộ có khuôn viên, sân chơi		3	3	2,7	2,7
		26. Khu dân cư mới theo quy hoạch		3	2	2	2
12		27. Sự hài lòng của người dân	8	8	5,7	5,6	5,6
13	Tổng		100	100	91,3	90,5	85,6

Bảng 5 thể hiện kết quả đối sánh theo thang điểm cho 3 xã nghiên cứu. Các chỉ tiêu được tính điểm dựa trên kết quả định lượng thực hiện quy hoạch ở phần 3.2. Chỉ tiêu số 20 - Chợ và 26 - Khu

dân cư mới được cho điểm dựa trên kết quả khảo sát hiện trạng. Đối với chỉ tiêu 27 - Sự hài lòng của người dân, đánh giá ở mức "rất hài lòng" được 8 điểm, mức "hài lòng" được 6 điểm, mức "trung bình"

được 4 điểm, mức “không hài lòng” được 2 điểm và mức “rất không hài lòng” được 0 điểm.

Theo kết quả tổng hợp điểm của 27 chỉ tiêu thuộc 12 nhóm hạng mục công trình (Bảng 5). Tiến Thành là xã thực hiện thành công nhất quy hoạch xây dựng các công trình hạ tầng NTM (best practice) với 91,3 điểm, cách biệt không đáng kể là Mã Thành (90,5 điểm) và đứng cuối cùng là Lãng Thành (85,6 điểm). Cụ thể, một số kết quả nổi bật như sau:

- Các chỉ tiêu đạt điểm cao và tương đối đồng đều ở cả 3 xã: giao thông trục xã, cấp điện, thông tin liên lạc, nhà văn hoá, trạm y tế, và các chỉ tiêu đều đạt bằng hoặc gần bằng điểm tối đa. Trong thực hiện quy hoạch, các xã đều có chính sách ưu tiên xây dựng các tuyến đường chính; cải tạo, nâng cấp các trạm biến áp, hệ thống đường dây hạ thế; phát triển nhanh dịch vụ viễn thông và internet những năm gần đây; quan tâm đầu tư cho cơ sở vật chất văn hoá, đặc biệt là cấp xã; chú trọng nâng cấp và hoàn thiện trạm y tế đạt chuẩn. Bên cạnh đó, các xã đã làm tương đối tốt công tác chỉ đạo điều hành, tuyên truyền vận động, kêu gọi đầu tư cho các công trình ưu tiên, huy động sự tham gia và đóng góp của người dân, đặc biệt là Tiến Thành và Mã Thành.

- Các chỉ tiêu đạt điểm cao ở 02 xã Tiến Thành và Mã Thành, cách biệt với Lãng Thành: thủy lợi, thoát nước và vệ sinh môi trường, trường học và nhà ở dân cư. Trong đó, nổi bật là chỉ tiêu số 6 – Bê tông hoá kênh mương, 13 – Chuồng trại hộ chăn nuôi và 16 – Cơ sở vật chất trường học. Xã Lãng Thành do trường mầm non còn thiếu công trình phụ trợ và trang thiết bị nên chỉ đạt 2,7/4 điểm. Nhà ở dân cư xã Lãng Thành có các chỉ tiêu đạt thấp hơn 02 xã còn lại. Nguyên nhân chủ yếu do điều kiện kinh tế - xã hội khởi điểm 02 xã Tiến Thành và Mã Thành tốt hơn Lãng Thành, chính quyền xã năng động và khả năng huy động vốn cao hơn. Xã Lãng Thành mặc dù được công nhận đạt chuẩn NTM nhưng qua khảo sát đánh giá còn một số bất cập trong thực hiện quy hoạch ở một số hạng mục mà nguyên nhân chủ yếu do nguồn vốn hỗ trợ từ Trung ương và ngân sách địa phương khó khăn, huy động đóng góp của nhân dân có hạn, công tác chỉ đạo thực hiện quy hoạch xây dựng còn chậm, nhận thức của một số hộ dân hạn chế và còn tư tưởng ỷ lại vào chính quyền.

- Các chỉ tiêu đạt điểm chưa cao ở cả 3 xã: một số chỉ tiêu giao thông, thủy lợi, chỉ tiêu về cấp nước sạch, chợ xã và khu dân cư mới. Nhìn chung, hệ

thống cơ sở hạ tầng của 3 xã huyện Yên Thành đã đạt tiêu chí và về đích NTM, tuy nhiên theo kết quả khảo sát và đánh giá thì mức độ hoàn thiện còn chưa cao, chất lượng một số công trình chưa đáp ứng được yêu cầu ngày càng cao trong sản xuất và sinh hoạt của người dân. Giao thông trục xóm và trục chính nội đồng còn chưa hoàn thiện và cứng hoá đầy đủ (đặc biệt là Lãng Thành). Một số khu ruộng cao ở Tiến Thành gặp khó khăn khi đưa nước tưới lên, kênh mương Lãng Thành chưa được củng cố hoá đầy đủ do thiếu vốn. 3 xã đều chưa xây dựng nhà máy nước sạch theo quy hoạch, hiện nay người dân dùng nước qua máy lọc nên đạt điểm tương đối thấp. 3 xã đều chưa có chợ ổn định: Tiến Thành chưa có chợ riêng nhưng người dân vẫn thuận lợi khi mua bán ở các ô tô quán với tổng 68 ô tô, Mã Thành đang hoàn thiện chợ cái tạo, riêng Lãng Thành chưa đạt chuẩn cấp nhiều (chỉ đạt 3/5 điểm) và cần xây mới. Các khu dân cư mới đã hình thành ở 3 xã nhưng vẫn còn thưa thớt, cơ sở hạ tầng còn phụ thuộc vào các khu lân cận, thiếu cây xanh cảnh quan nên đều chỉ đạt 2/3 điểm, cần tiếp tục hoàn thiện trong tương lai.

Riêng chỉ tiêu “sự hài lòng của người dân” khá đồng đều ở 03 xã, cao hơn ở Tiến Thành (5,7/8) và bằng nhau ở Mã Thành và Lãng Thành (5,6/8). Điều đó cho thấy người dân đều tích cực tham gia xây dựng cơ sở hạ tầng NTM và nhận thức khá rõ vai trò của mình.

Nhìn chung, trong khuôn khổ của nghiên cứu, 03 xã thực hiện đối sánh và xếp hạng chưa thật phần ảnh đầy đủ tính hình của toàn huyện, tuy nhiên, kết quả đối sánh cho thấy những phát hiện sinh động, đi cùng với những dẫn chứng về bài học kinh nghiệm “thực hiện thành công” và “chưa thành công” trong xây dựng cơ sở hạ tầng NTM, từ đó có thể duy trì phương pháp này và áp dụng rộng hơn trong tương lai.

3.4. Một số giải pháp

Để cải thiện và nâng cao chất lượng hệ thống cơ sở hạ tầng NTM, đáp ứng nhu cầu sử dụng, phát huy những bài học kinh nghiệm của các xã và chỉ tiêu thực hiện tốt, khắc phục những tồn tại hạn chế, nâng cao sự hài lòng của người dân, huyện Yên Thành và các xã xin đưa ra một số giải pháp sau:

- Nâng cao hơn nữa năng lực chỉ đạo điều hành của toàn hệ thống quản lý: tăng cường và đa dạng hoá các nguồn vốn huy động, đặc biệt là các nguồn

vốn ngoài ngân sách; nâng cao nhận thức cho người dân địa phương bằng nhiều hình thức cụ thể.

- Ưu tiên đầu tư và đẩy mạnh việc hoàn thiện các hạng mục cơ sở hạ tầng còn thiếu, chậm tiến độ và chất lượng chưa đạt ứng nhu cầu sử dụng của người dân. Cụ thể là, hoàn thiện hệ thống giao thông, đặc biệt là đường trục xóm và trục chính nội đồng ở xã Mã Thành và Lăng Thành; hoàn thiện công trình thuỷ lợi, cần dẫn nước đầy đủ lên các khu ruộng cao của xã Tiên Thành; khẩn trương xây dựng nhà máy nước sạch theo quy hoạch vì vấn đề cấp nước sạch nông thôn sẽ trở thành nhu cầu tất yếu trong tương lai; hoàn thiện các công trình phụ trợ cho trường mầm non xã Lăng Thành; tiếp tục đầu tư, bổ sung, nâng cấp cơ sở vật chất các nhà văn hóa xóm (bổ sung nhà văn hoá xóm còn lại ở xã Mã Thành); khẩn trương hoàn thiện chợ nông thôn (xây mới ở xã Tiên Thành và Lăng Thành, hoàn thiện cải tạo ở xã Mã Thành); tiếp tục duy trì và nâng cao tiêu chí môi trường và cảnh quan (hiện tại mới đạt ở mức cơ bản); hoàn thiện cơ sở hạ tầng và cảnh quan các khu dân cư mới. Đồng thời, các xã cần có các giải pháp tích cực trong vận hành và duy trì hệ thống cơ sở hạ tầng NTM lâu dài và liên tục.

- Tiến hành đổi mới thường xuyên theo định kỳ để cập nhật số liệu, từ đó nhận diện những "bài học thành công" và những hạn chế, bất cập để có giải pháp kịp thời cải thiện, nâng cao hiệu quả và chất lượng quy hoạch, hoàn thiện cơ chế chính sách để phát triển cơ sở hạ tầng bền vững.

4. KẾT LUẬN

Áp dụng chuẩn đổi mới (Benchmarking) trong thực hiện quy hoạch cơ sở hạ tầng NTM bằng việc xây dựng bộ chỉ tiêu đánh giá và cho điểm để xếp hạng với 3 nhóm: hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội và nhà ở dân cư, nghiên cứu đã nhận diện được các mức độ thực hiện thành công của 3 xã đại diện của huyện Yên Thành. Trong đó, Tiên Thành đạt tổng số điểm cao nhất nên được coi là xã thực hiện tốt nhất (91,3 điểm), theo sát là xã Mã Thành (90,5 điểm) và cuối cùng là xã Lăng Thành (85,6 điểm), do nhiều nguyên nhân khách quan và chủ quan. Các chỉ tiêu đạt điểm cao và tương đối đồng đều ở cả 3 xã bao gồm đường trục xã, cấp điện, thông tin liên lạc, nhà văn hóa, trạm y tế; các chỉ tiêu đạt điểm cao hơn ở xã Tiên Thành và Mã Thành, cách biệt với Lăng Thành bao gồm thuỷ lợi, thoát nước và vệ sinh môi trường, trường học, nhà ở dân cư. Các chỉ tiêu đạt điểm chưa

đạt ở cả 3 xã bao gồm một số chỉ tiêu giao thông, thuỷ lợi, cấp nước sạch, chợ xã và khu dân cư mới. Các giải pháp cần thực hiện trong thời gian tới liên quan đến tổ chức quản lý, ưu tiên đầu tư và hoàn thiện các công trình còn thiếu và yếu, và thực hiện đổi mới định kỳ trong tương lai.

Có thể thấy, Chuẩn đổi mới rất thích hợp khi áp dụng để xác định hiệu quả của quy hoạch NTM trên cơ sở so sánh giữa các khu vực theo thang điểm chuẩn, nhận diện các bài học thành công cũng như những vấn đề bất cập. Tuy mới được tiến hành ở 3 xã, kết quả của nghiên cứu có thể được nhân rộng cho các xã khác trên địa bàn huyện Yên Thành, để việc xếp hạng các xã được chính xác và khách quan hơn. Đồng thời, có thể điều chỉnh chuẩn đổi mới cho phù hợp với các địa phương khác để góp phần nâng cao hiệu quả quản lý thực hiện quy hoạch NTM.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ NN&PTNT (2009). Bộ tiêu chí Quốc gia về nông thôn mới, Hà Nội.
2. Bộ NN&PTNT (2017). Sổ tay hướng dẫn thực hiện bộ tiêu chí Quốc gia về xã nông thôn mới giai đoạn 2016-2020. Số: 69/QĐ-BNN-VPĐP.
3. Cowper, J & Samuels, M. (1997). Performance benchmarking in the public sector: The United Kingdom Experience. Paper presented at the OECD Meeting on Public Sector Benchmarking.
4. Đàm Quang Tuấn (2016). Quy hoạch nông thôn mới nhưng vấn đề đặt ra. <http://kientrucvietnam.org.vn/quy-hoach-xay-dung-nong-thon-moi-nhung-van-de-dat-ra/> - truy cập ngày 31/10/2019
5. Geerling, H., Klementschtz, R & Mulley, C. (2006). Development of a methodology for benchmarking public transportation organization: a practical tool based on an industry sound methodology. In Journal of Cleaner Production. Vol 14, pp 113-123.
6. Jackson, N. and Lund, H. (2000). Benchmarking for Higher Education. Philadelphia: Open University.
7. McKinnon, K. R. Walker, S. H & Davis, D. (2000). Benchmarking A manual for Australian Universities. Commonwealth of Australia 1999; ISBN 0642 23971 1.
8. NAM. Ltd (2007). Developing levels of services & performance measures guidelines. Wellington NZ. NAM Ltd.

9. UBND huyện Yên Thành (2019). Báo cáo kết quả xây dựng NTM huyện Yên Thành đến năm 2018.

10. UBND xã Tiến Thành (2019). Báo cáo kết quả xây dựng NTM xã Tiến Thành giai đoạn 2015 – 2018.

11. UBND xã Mã Thành (2019). Báo cáo kết quả xây dựng NTM xã Mã Thành giai đoạn 2015 – 2018.

12. UBND xã Lăng Thành (2019). Báo cáo kết quả xây dựng NTM xã Lăng Thành giai đoạn 2015 – 2018.

BENCHMARKING IN EVALUATING THE PLANNING IMPLEMENTATION OF THE NEW RURAL INFRASTRUCTURE SYSTEM IN YEN THANH, NGHE AN

Quyen Thi Lan Phuong

Summary

The purpose of this research was determining benchmarking in evaluating the planning implementation of the new rural infrastructure system in Yen Thanh, Nghe An, through 3 representative communes. Methodologies used in the research involved: collecting and processing data; building the benchmarking framework. The research results showed that, the new rural construction in Yen Thanh district by 2018 has obtained remarkable achievements, the number of communes that got the standards of new rural construction has increased quickly. The indicators for evaluating was built for 03 main groups: technical infrastructure, social infrastructure and residential housing, besides, there was also the indicator "people's satisfaction". Based on that indicators system, the author carried out to give scores for each indicator according to the benchmark scores, count scores for each commune and benchmark, analyze and evaluate, from that found out the most successful commune as Tien Thanh, closely followed by Ma Thanh and the last was Lang Thanh. Solutions that need to be implemented in near future is related to the management organization, investment priority and completion of the missing and weak works and periodical benchmarking. The research's results can be expanded to apply, contribute to complete and develop the new rural construction program in the research area and wider in other areas.

Keywords: Infrastructure, benchmarking, Yen Thanh district, new rural, planning implementation.

Người phân biện: TS. Dương Ngọc Thi

Ngày nhận bài: 18/11/2019

Ngày thông qua phân biện: 19/12/2019

Ngày duyệt đăng: 26/12/2019